SỔ TAY HƯỚNG DẪN CHUYỂN TIỀN RA NƯỚC NGOÀI CÁ NHÂN

CHƯƠNG I: CHUYỂN TIỀN MỘT CHIỀU RA NƯỚC NGOÀI CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ CÔNG DÂN VIỆT NAM

1. MUA, CHUYỂN, MANG NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO MỤC ĐÍCH HỌC TẬP

**Chi phí phát sinh trước khi nhập học (phí tư vấn du học, phí xử lý hồ sơ xin nhập học…) là chi phí nhập khẩu dịch vụ, không tính vào hạn mức*

Người chuyển hoặc mang ngoại tệ

- Du học sinh
- Người đại diện hợp pháp của du học sinh
- Thân nhân

Người nhận

- Du học sinh
- Người đại diện hợp pháp cư trú tại quốc gia du học sinh học tập
- Cơ sở đào tạo
- Bên cung cấp dịch vụ

Hạn mức mua, chuyển hoặc mang ngoại tệ

- Học phí: theo thông báo của cơ sở giáo dục
- Sinh hoạt phí: theo thông báo của bên cấp dịch vụ hoặc nhu cầu du học sinh (không quá GDP quốc gia nơi DHS học tập)

CHỨNG TỪ YÊU CẦU

Trường hợp 1: Du học sinh tự chuyển tiền cho chính mình hoặc mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài

Chuyển tiền đặt cọc

- Căn cước công dân của du học sinh
- Giấy báo học phí hoặc thông báo nhập học
- Thông báo chi phí đặt cọc

Chuyển hoặc mang ngoại tệ đóng học phí, sinh hoạt phí

- Căn cước công dân của du học sinh
- Hộ chiếu Việt Nam của du học sinh
- VISA du học

- Giấy báo học phí hoặc thông báo nhập học
- Vé máy bay/vé tàu/… (nếu mang ngoại tệ tiền mặt)

Trường hợp 2: Du học sinh chuyển tiền cho người đại diện ở nước ngoài

Chuyển tiền đặt cọc

- Căn cước công dân của du học sinh
- Giấy báo học phí hoặc thông báo nhập học
- Thông báo chi phí đặt cọc
- Giấy tờ xác định người đại diện nhận tiền (Giấy khai sinh/Giấy chứng nhận người giám hộ/Giấy ủy quyền được lập theo qui định/…)

Chuyển hoặc mang ngoại tệ đóng học phí, sinh hoạt phí

- Căn cước công dân của du học sinh
- Hộ chiếu Việt Nam của du học sinh
- VISA du học
- Giấy báo học phí hoặc thông báo nhập học
- Vé máy bay/vé tàu/… (nếu mang ngoại tệ tiền mặt)
- VISA và/hoặc Hộ chiếu nước ngoài của người đại diện nhận tiền ở nước ngoài
- Giấy tờ xác định người đại diện nhận tiền (Giấy khai sinh/Giấy chứng nhận người giám hộ/Giấy ủy quyền được lập theo qui định/…)

Trường hợp 3: Thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền ra nước ngoài cho du học sinh

Chuyển tiền đặt cọc

- Căn cước công dân của thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền
- Một trong hai loại giấy tờ sau:
    - Nếu là thân nhân chuyển tiền: Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân (Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn,…)
    - Nếu là người đại diện chuyển tiền: Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định
- Giấy báo học phí hoặc thông báo nhập học
- Thông báo chi phí đặt cọc

Chuyển tiền đóng học phí, sinh hoạt phí

- Căn cước công dân của thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền
- Một trong hai loại giấy tờ sau:

    - Nếu là thân nhân chuyển tiền: Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân (Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn,…)
    - Nếu là người đại diện chuyển tiền: Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định
- Hộ chiếu Việt Nam của du học sinh
- VISA du học
- Giấy báo học phí hoặc thông báo nhập học

Trường hợp 4: Thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền cho người đại diện ở nước ngoài

Chuyển tiền đặt cọc

- Căn cước công dân của thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền
- Một trong hai loại giấy tờ sau:
- Nếu là thân nhân chuyển tiền: Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân (Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn,…)
- Nếu là người đại diện chuyển tiền: Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định
- Giấy báo học phí hoặc thông báo nhập học
- Thông báo chi phí đặt cọc
- Giấy chứng nhận người giám hộ (hoặc Giấy ủy quyền của người nhận) ở nước ngoài

Chuyển tiền đóng học phí, sinh hoạt phí

- Căn cước công dân của thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền
- Một trong hai loại giấy tờ sau:
    - Nếu là thân nhân chuyển tiền: Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân (Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn,…)
    - Nếu là người đại diện chuyển tiền: Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định
- Hộ chiếu Việt Nam của du học sinh
- VISA du học
- Giấy báo học phí I20 hoặc thông báo nhập học nếu không có I20
- VISA và/hoặc Hộ chiếu nước ngoài của người đại diện nhận tiền ở nước ngoài
- Giấy tờ xác định người đại diện nhận tiền (Giấy khai sinh/Giấy chứng nhận người giám hộ/Giấy ủy quyền được lập theo qui định/…)

---

2. MUA, CHUYỂN, MANG NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO MỤC ĐÍCH KHÁM CHỮA BỆNH

Người chuyển hoặc mang ngoại tệ

- Bệnh nhân
- Người đại diện hợp pháp của bệnh nhân
- Thân nhân

Người nhận

- Bệnh nhân
- Người đại diện hợp pháp cư trú tại quốc gia bệnh nhân đến khám chữa bệnh
- Bên cung cấp dịch vụ
- Cơ sở y tế

Hạn mức mua, chuyển hoặc mang ngoại tệ

- Viện phí: theo thông báo của cơ sở khám chữa bệnh
- Sinh hoạt phí: theo thông báo của bên cung cấp dịch vụ hoặc nhu cầu bệnh nhân (không quá GDP quốc gia khám chữa bệnh)

CHỨNG TỪ YÊU CẦU

Trường hợp 1: Bệnh nhân tự chuyển tiền cho chính mình hoặc mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài

Chuyển tiền đặt cọc

- Căn cước công dân của bệnh nhân
- Thông báo chi phí đặt cọc
- Hộ chiếu Việt Nam của bệnh nhân

Chuyển hoặc mang ngoại tệ đóng viện phí, sinh hoạt phí

- Căn cước công dân của bệnh nhân
- Hộ chiếu Việt Nam của bệnh nhân
- VISA khám chữa bệnh
- Giấy báo viện phí hoặc giấy báo nhập viện
- Vé máy bay/vé tàu… (nếu mang ngoại tệ tiền mặt)

Trường hợp 2: Bệnh nhân chuyển tiền cho người đại diện ở nước ngoài

Chuyển tiền đặt cọc

- Căn cước công dân của bệnh nhân
- Giấy báo viện phí hoặc giấy báo nhập viện
- Thông báo chi phí đặt cọc

- Hộ chiếu Việt Nam của bệnh nhân
- Giấy chứng nhận người giám hộ (hoặc Giấy ủy quyền của người nhận) ở nước ngoài

Chuyển hoặc mang ngoại tệ đóng viện phí, sinh hoạt phí

- Căn cước công dân của bệnh nhân
- Hộ chiếu Việt Nam của bệnh nhân
- VISA khám chữa bệnh
- Giấy báo viện phí hoặc giấy báo nhập viện
- VISA và/hoặc Hộ chiếu nước ngoài của người đại diện nhận tiền ở nước ngoài
- Giấy tờ xác định người đại diện nhận tiền (Giấy khai sinh/Giấy chứng nhận người giám hộ/Giấy ủy quyền được lập theo qui định/…)

Trường hợp 3: Thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền cho bệnh nhân đang khám chữa bệnh tại nước ngoài

Chuyển tiền đặt cọc

- Căn cước công dân của thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền
- Một trong hai loại giấy tờ sau:
    - Nếu là thân nhân chuyển tiền: Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân (Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn,…)
    - Nếu là người đại diện chuyển tiền: Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định
- Hộ chiếu Việt Nam của bệnh nhân
- Giấy báo viện phí hoặc giấy báo nhập viện
- Thông báo chi phí đặt cọc

Chuyển hoặc mang ngoại tệ đóng viện phí, sinh hoạt phí

- Căn cước công dân của thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền
- Một trong hai loại giấy tờ sau:
    - Nếu là thân nhân chuyển tiền: Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân (Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn,…)
    - Nếu là người đại diện chuyển tiền: Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định
- Hộ chiếu Việt Nam của bệnh nhân
- VISA khám chữa bệnh
- Giấy báo viện phí hoặc giấy báo nhập viện

Trường hợp 4: Thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền cho người đại diện ở nước ngoài

Chuyển tiền đặt cọc

- Căn cước công dân của thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền
- Một trong hai loại giấy tờ sau:
    - Nếu là thân nhân chuyển tiền: Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân (Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn,…)
    - Nếu là người đại diện chuyển tiền: Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định
- Hộ chiếu Việt Nam của bệnh nhân
- Thông báo chi phí đặt cọc
- Giấy tờ xác định người đại diện nhận tiền (Giấy khai sinh/Giấy chứng nhận người giám hộ/Giấy ủy quyền được lập theo qui định/…)

Chuyển hoặc mang ngoại tệ đóng viện phí, sinh hoạt phí

- Căn cước công dân của thân nhân hoặc người đại diện chuyển tiền
- Một trong hai loại giấy tờ sau:
    - Nếu là thân nhân chuyển tiền: Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân (Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn,…)
    - Nếu là người đại diện chuyển tiền: Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định
- Hộ chiếu Việt Nam của bệnh nhân
- VISA khám chữa bệnh
- Giấy báo viện phí hoặc giấy báo nhập viện
- VISA và/hoặc Hộ chiếu nước ngoài của người đại diện nhận tiền ở nước ngoài
- Giấy tờ xác định người đại diện nhận tiền (Giấy khai sinh/Giấy chứng nhận người giám hộ/Giấy ủy quyền được lập theo qui định/…)

---

3. MUA, CHUYỂN, MANG NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO MỤC ĐÍCH CÔNG TÁC, DU LỊCH, THĂM VIẾNG

Người chuyển hoặc mang ngoại tệ

- Người đi công tác, du lịch, thăm viếng
- Người đại diện hợp pháp

Người nhận

- Người đi công tác, du lịch, thăm viếng
- Bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài

Hạn mức mua, chuyển hoặc mang ngoại tệ

- Theo thông báo của bên cấp dịch vụ hoặc nhu cầu người đi công tác, du lịch, thăm viếng (không quá GDP quốc gia đến)

CHỨNG TỪ YÊU CẦU

Trường hợp 1: Người đi công tác, du lịch, thăm viếng tự chuyển tiền cho chính mình hoặc mang ngoại tệ tiền mặt ra nước ngoài

- Căn cước công dân của người đi công tác, du lịch, thăm viếng
- Hộ chiếu Việt Nam hoặc Giấy thông hành của người đi công tác, du lịch, thăm viếng
- VISA công tác, du lịch, thăm viếng (nếu có)
- Quyết định cử đi công tác (trường hợp đi công tác)
- Thông báo chi phí của bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài (nếu có)
- Vé máy bay/vé tàu/… (trường hợp mang ngoại tệ tiền mặt)

Trường hợp 2: Người đại diện của người đi công tác, du lịch, thăm viếng tự chuyển tiền ra nước ngoài cho người đi công tác, du lịch, thăm viếng

- Tất cả các chứng từ nêu tại trường hợp 1
- Căn cước công dân của người đại diện chuyển tiền
- Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định
- Thông báo chi phí của bên cung cấp dịch vụ ở nước ngoài (trường hợp chuyển tiền cho bên cung cấp dịch vụ)

---

4. MUA, CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO MỤC ĐÍCH TRẢ PHÍ HOẶC LỆ PHÍ

Người chuyển

- Người trả phí
- Người đại diện hợp pháp

Người nhận

- Đơn vị nhận theo Thông báo của Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài
- Hội, hiệp hội nước ngoài

Hạn mức mua chuyển ngoại tệ

- Theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền, hội hoặc hiệp hội nước ngoài

CHỨNG TỪ YÊU CẦU

Trường hợp 1: Người trả phí tự chuyển tiền thanh toán lệ phí

- Căn cước công dân của người trả phí
- Thông báo phí của Cơ quan có thẩm quyền hoặc của Hội, Hiệp hội nước ngoài

Trường hợp 2: Người đại diện hợp pháp của người trả phí chuyển tiền thanh toán lệ phí thay

- Căn cước công dân của người đại diện chuyển tiền
- Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định
- Thông báo phí của Cơ quan có thẩm quyền hoặc của Hội, Hiệp hội nước ngoài

**LƯU Ý: chỉ được phép chuyển ngoại tệ, không được phép mang ngoại tệ đối với mục đích này*

---

5. MUA, CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO MỤC ĐÍCH TRỢ CẤP CHO THÂN NHÂN

**LƯU Ý: chỉ được phép chuyển ngoại tệ, không được phép mang ngoại tệ đối với mục đích này*

Người chuyển

- Người trợ cấp
- Người đại diện hợp pháp của người hưởng trợ cấp

Người nhận

- Người hưởng trợ cấp
- Người đại diện hợp pháp cư trú tại quốc gia nơi người hưởng trợ cấp đang được cư trú

Hạn mức mua chuyển ngoại tệ

- Không vượt quá GDP quốc gia người hưởng trợ cấp cư trú

CHỨNG TỪ YÊU CẦU

Trường hợp 1: Người trợ cấp ở Việt Nam chuyển tiền trợ cấp trực tiếp cho thân nhân hưởng trợ cấp đang ở nước ngoài

- Căn cước công dân của người trợ cấp
- Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân giữa người trợ cấp và người hưởng trợ cấp (Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn,…)
- Hộ chiếu Việt Nam của người hưởng trợ cấp

- VISA của người hưởng trợ cấp

Trường hợp 2: Người đại diện của người trợ cấp ở Việt Nam chuyển tiền trợ cấp cho người hưởng trợ cấp đang ở nước ngoài

- Tất cả các chứng từ nêu tại trường hợp 1
- Căn cước công dân của người đại diện chuyển tiền
- Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định

Trường hợp 3: Người trợ cấp ở Việt Nam chuyển tiền trợ cấp cho người đại diện của người hưởng trợ cấp đang ở nước ngoài

- Căn cước công dân của người trợ cấp
- Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân giữa người trợ cấp và người hưởng trợ cấp (Giấy khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn,…)
- VISA của người hưởng trợ cấp
- VISA và/hoặc Hộ chiếu nước ngoài của người đại diện nhận tiền ở nước ngoài
- Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định

Trường hợp 4: Người đại diện của người trợ cấp ở Việt Nam chuyển tiền trợ cấp cho người đại diện của người hưởng trợ cấp đang ở nước ngoài

- Tất cả các chứng từ nêu tại trường hợp 3
- Căn cước công dân của người đại diện chuyển tiền
- Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định

**Không áp dụng với các mục đích (1) học tập, (2) chữa bệnh hoặc (3) công tác, du lịch, thăm viếng*

---

6. MUA, CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO NGƯỜI HƯỞNG THỪA KẾ LÀ CÔNG DÂN VIỆT NAM

**LƯU Ý: chỉ được phép chuyển ngoại tệ, không được phép mang ngoại tệ đối với mục đích này*

Người chuyển

- Người hưởng thừa kế là công dân Việt Nam
- Người đại diện hợp pháp của người hưởng thừa kế

Người nhận

- Người hưởng thừa kế là công dân Việt Nam
- Người đại diện hợp pháp cư trú tại quốc gia nơi người hưởng thừa kế đang được cư trú

Hạn mức mua chuyển ngoại tệ

- Căn cứ vào giá trị tài sản người hưởng thừa kế được hưởng theo quy định pháp luật về thừa kế

CHỨNG TỪ YÊU CẦU

Trường hợp 1: Người hưởng thừa kế tự chuyển tiền thừa kế ra nước ngoài cho chính mình

- Căn cước công dân của người hưởng thừa kế
- Hộ chiếu Việt Nam của người hưởng thừa kế
- VISA cư trú của người hưởng thừa kế (hoặc giấy tờ tương đương chứng minh người hưởng thừa kế được cư trú dài hạn)
- Văn bản khai nhận di sản thừa kế được công chứng, chứng thực hợp pháp (di chúc…)
- Giấy tờ chứng minh di sản thừa kế đã quy đổi thành tiền hoặc Giấy tờ chứng minh số tiền chuyển được rút từ tài sản thừa kế (hợp đồng mua bán tài sản thừa kế)
- Giấy chứng tử của người để lại tài sản

Trường hợp 2: Người đại diện của người hưởng thừa kế chuyển tiền thừa kế ra nước ngoài cho người hưởng thừa kế

- Tất cả các chứng từ nêu tại trường hợp 1
- Căn cước công dân của người đại diện chuyển tiền ở Việt Nam
- Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định

Trường hợp 3: Người hưởng thừa kế ở Việt Nam chuyển tiền thừa kế cho người đại diện của người hưởng thừa kế đang ở nước ngoài

- Căn cước công dân của người hưởng thừa kế
- Hộ chiếu Việt Nam của người hưởng thừa kế
- VISA cư trú của người hưởng thừa kế (hoặc giấy tờ tương đương chứng minh người hưởng thừa kế được cư trú dài hạn)
- Văn bản khai nhận di sản thừa kế được công chứng, chứng thực hợp pháp (di chúc…)
- Giấy tờ chứng minh di sản thừa kế đã quy đổi thành tiền hoặc Giấy tờ chứng minh số tiền chuyển được rút từ tài sản thừa kế (hợp đồng mua bán tài sản thừa kế)
- Giấy chứng tử của người để lại tài sản
- VISA và/hoặc Hộ chiếu nước ngoài của người đại diện nhận tiền ở nước ngoài

Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định

Trường hợp 4: Người đại diện của người hưởng thừa kế chuyển tiền thừa kế ra nước ngoài cho người hưởng thừa kế

- Tất cả các chứng từ nêu tại trường hợp 3
- Căn cước công dân của người đại diện chuyển tiền
- Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định

**Không áp dụng với các mục đích (1) học tập, (2) chữa bệnh hoặc (3) công tác, du lịch, thăm viếng*

---

7. MUA, CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI CHO MỤC ĐÍCH ĐỊNH CƯ

Người chuyển

- Người đi định cư
- Người đại diện hợp pháp của người đi định cư

Người nhận

- Người đi định cư
- Người đại diện theo pháp luật cư trú tại quốc gia nơi người cư trú là công dân Việt Nam đi định cư

Hạn mức mua chuyển ngoại tệ

- Căn cứ theo tổng giá trị tài sản của người đi định cư được hình thành tại Việt Nam trước khi nhập quốc tịch nước ngoài hoặc được cư trú ở nước ngoài

CHỨNG TỪ YÊU CẦU

Trường hợp 1: Người đi định cư tự chuyển tiền định cư ra nước ngoài cho chính mình

- Căn cước công dân của người đi định cư
- Hộ chiếu Việt Nam của người đi định cư
- VISA định cư của người đi định cư (hoặc giấy tờ tương đương chứng minh người đi định cư được phép định cư)
- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc số tiền chuyển ra nước ngoài được hình thành tại Việt Nam trước khi người đi định cư có quốc tịch nước ngoài hoặc được phép định cư

Trường hợp 2: Người đi định cư chuyển tiền định cư cho người đại diện theo pháp luật của mình ở nước ngoài

- Tất cả các chứng từ nêu tại trường hợp 1

- VISA và/hoặc Hộ chiếu nước ngoài của người đại diện nhận tiền ở nước ngoài
- Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định

Trường hợp 3: Người đại diện hợp pháp tại Việt Nam của người đi định cư chuyển tiền định cư ra nước ngoài cho người đi định cư

- Tất cả các chứng từ nêu tại trường hợp 1
- Căn cước công dân của người đại diện chuyển tiền ở Việt Nam
- Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng nhận người giám hộ hoặc Giấy ủy quyền được lập theo qui định

**Đối với tài sản là tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, giấy tờ có giá khác: cung cấp giấy tờ chứng minh tài sản có thời hạn gửi từ 01 tháng trở lên trước thời điểm người đi định cư nhập quốc tịch nước ngoài hoặc được cư trú ở nước ngoài cho mục đích định cư.*

**Đối với tài sản hợp pháp hình thành sau thời điểm người đi định cư nhập quốc tịch nước ngoài hoặc được cư trú ở nước ngoài cho mục đích định cư: thực hiện chuyển tiền theo mục đích "Người không cư trú, người cư trú là người nước ngoài chuyển nguồn thu hợp pháp ra nước ngoài".*

**Trường hợp chuyển tiền đầu tư để có quốc tịch nước ngoài hoặc được phép định cư ở nước ngoài: thực hiện và tuân thủ theo pháp luật Việt Nam về đầu tư ra nước ngoài.*

**Trường hợp chuyển tiền thanh toán các chi phí liên quan đến thủ tục xin định cư ở nước ngoài: thực hiện chuyển tiền theo mục đích "Chuyển tiền nhập khẩu dịch vụ" hoặc "Chuyển tiền thanh toán các khoản phí, lệ phí cho nước ngoài".*

**Công dân Việt Nam đi định cư ở nước ngoài được phép mua ngoại tệ tiền mặt cho mục đích "du lịch nước ngoài".*

CHƯƠNG III: CHUYỂN TIỀN CHO CÁC GIAO DỊCH VÃNG LAI KHÁC CỦA NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

3. CÁC GIAO DỊCH VÃNG LAI KHÁC

Trường hợp 1: Mục đích thanh toán, chuyển tiền liên quan đến các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, các khoản chi trả bảo hiểm xã hội

- Giấy chứng nhận/Sổ bảo hiểm xã hội
- Thông báo thu phí/quyết định chi trả của bảo hiểm xã hội
- Giấy tờ chứng minh là người có liên quan

Trường hợp 2: Mục đích thanh toán, chuyển tiền theo quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án hoặc trọng tài/quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam

- Thông báo của Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về án phí/phí bồi thường (nếu có)
- Bản án/Quyết định có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền
- Giấy tờ chứng minh đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự

Trường hợp 3: Mục đích thanh toán các khoản tiền phạt, bồi thường do làm hư hỏng tài sản, gây thương tích mà chưa được bảo hiểm chi trả

- Thông báo của Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài về tiền phạt/tiền bồi thường
- Giấy tờ chứng minh đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự

CHƯƠNG IV: CHUYỂN TIỀN MỘT CHIỀU RA NƯỚC NGOÀI CỦA NGƯỜI KHÔNG CƯ TRÚ LÀ CÁ NHÂN VÀ NGƯỜI CƯ TRÚ LÀ CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI

1. CHUYỂN TIỀN TỪ NGUỒN THU NGOẠI TỆ TRÊN TÀI KHOẢN THANH TOÁN TẠI SAIGONBANK

- Đối với trường hợp này, khách hàng chỉ cần cung cấp giấy tờ tùy thân có hiệu lực phù hợp với ngày thực hiện chuyển tiền

---

2. CHUYỂN TIỀN TỪ NGUỒN THU BẰNG ĐỒNG VIỆT NAM

Trường hợp 1: Chứng từ yêu cầu đối với nguồn tiền từ thân nhân cho, tặng

- Giấy tờ tùy thân người được cho, tặng
- Giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân của người cho, tặng và người được cho, tặng
- Hợp đồng/Thỏa thuận cho, tặng được công chứng tại Việt Nam/được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài, nêu rõ nguồn tiền cho, tặng (thu nhập từ mua bán, chuyển nhượng, cho thuê bất động sản/động sản; tiền lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp/tiền tích lũy;…)
- Giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của số tiền cho, tặng (Sổ tiết kiệm/Chứng chỉ tiền gửi/Sao kê tài khoản/Giấy báo có thể hiện giá trị tài sản từ khi phát sinh đến lúc cho, tặng/…)

Ủy quyền thực hiện chuyển tiền

- Các chứng từ nêu trên, và
- Giấy ủy quyền chuyển tiền ra nước ngoài (Giấy ủy quyền lập tại Việt Nam có công chứng/Giấy ủy quyền lập ở nước ngoài có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền)
- Giấy tờ tùy thân của người đại diện

Trường hợp 2: Chứng từ yêu cầu đối với nguồn thu nhập từ việc bán, cho thuê nhà ở tại Việt Nam

- Giấy tờ tùy thân người chuyển
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản và Hợp đồng mua bán có công chứng (trường hợp chuyển thu nhập từ bán nhà ở tại Việt Nam)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản và Hợp đồng cho thuê nhà (trường hợp chuyển thu nhập từ cho thuê nhà ở tại Việt Nam)

Ủy quyền thực hiện chuyển tiền

- Các chứng từ nêu trên
- Giấy ủy quyền cho người đại diện lập tại Việt Nam có công chứng/Giấy ủy quyền lập ở nước ngoài có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền

- Bản sao CCCD/Hộ chiếu của người đại diện

Trường hợp 3: Chứng từ yêu cầu đối với nguồn thu nhập từ lương, thưởng, phụ cấp

- Hợp đồng lao động
- Bảng lương/Bảng chấm công/Quyết định thưởng… phù hợp với thời gian phát sinh thu nhập/Xác nhận chi thu nhập bằng tiền mặt của tổ chức sử dụng lao động (trường hợp nộp tiền mặt ngoại tệ/VND vào tài khoản)
- Giấy tờ tùy thân của người lao động (Giấy phép lao động/Thẻ tạm trú/VISA còn hiệu lực…)
- Bản chính Giấy rút tiền/Sao kê tài khoản thanh toán/tài khoản thẻ ATM/VISA,… có ngày rút tiền không quá 30 ngày tính đến ngày chuyển (trường hợp nộp tiền mặt vào tài khoản)

Trường hợp 4: Chứng từ yêu cầu đối với nguồn thu nhập khác

- Giấy tờ tùy thân của người chuyển
- Giấy tờ chứng minh thu nhập (Bản chính Tờ khai nhập cảnh - xuất cảnh có xác nhận của Hải quan cửa khẩu về số tiền mang vào; Bản chính Giấy rút tiền/Sao kê tài khoản thanh toán/ tài khoản thẻ ATM/VISA có ngày rút tiền không quá 30 ngày tính đến ngày chuyển;…)

CHƯƠNG VII: CHUYỂN TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

**Mọi giao dịch chuyển tiền liên quan đến đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đều phải được thực hiện thông qua tài khoản chuyên dùng đầu tư gián tiếp ra nước ngoài mở tại SAIGONBANK*

1. CHUYỂN TIỀN MUA CỔ PHIẾU THƯỞNG PHÁT HÀNH Ở NƯỚC NGOÀI

Bên chuyển

- Tổ chức thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu (Hiện diện thương mại tại Việt Nam của Tổ chức nước ngoài)

Bên nhận

- Tổ chức nước ngoài có chương trình thưởng cổ phiếu

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Tài liệu mô tả nội dung chương trình thưởng cổ phiếu phát hành ở nước ngoài cho người lao động có quốc tịch Việt Nam
- Văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc đăng ký thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu phát hành ở nước ngoài
- Chứng từ chứng minh việc người lao động có quốc tịch Việt Nam thực hiện quyền mua cổ phiếu theo chương trình

---

2. CHUYỂN VỐN TỪ TÀI KHOẢN TỰ DOANH ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Bên chuyển

- Tổ chức tự doanh

Bên nhận

- Tổ chức phát hành công cụ đầu tư

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép Tổ chức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài
- Văn bản xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc Tổ chức tự doanh đăng ký hạn mức tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài
- Chứng từ chứng minh các khoản chuyển tiền để mua các công cụ đầu tư được phép/các chi phí phát sinh tại nước ngoài liên quan đến hoạt động tự doanh

---

3. CHUYỂN TIỀN NHẬN ỦY THÁC ĐỂ ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

Bên chuyển

- Tổ chức nhận ủy thác

Bên nhận

- Tổ chức phát hành công cụ đầu tư

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Hợp đồng/Thỏa thuận hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương về việc ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài giữa Tổ chức ủy thác và Tổ chức nhận ủy thác
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Tổ chức nhận ủy thác do Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp
- Văn bản xác nhận đăng ký hạn mức nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Chứng từ chứng minh các khoản chuyển tiền để mua các công cụ đầu tư được phép/các chi phí phát sinh tại nước ngoài liên quan đến hoạt động ủy thác

CHƯƠNG VIII: ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

**Lưu ý các loại tài khoản được sử dụng để thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tại SAIGONBANK trong từng mục đích*

1. CHUYỂN TIỀN ĐÃ CHUYỂN VÀO VIỆT NAM ĐỂ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ NHƯNG KHÔNG SỬ DỤNG HẾT HOẶC KHÔNG ĐƯỢC CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CHẤP NHẬN ĐẦU TƯ

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu khi nhà đầu tư nước ngoài thực hiện giao dịch chuyển tiền

- Chứng từ chứng minh nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển tiền vào tài khoản thanh toán ngoại tệ/VND tại SAIGONBANK
- Chứng từ chứng minh các khoản chi phí thực tế hợp pháp liên quan đến hoạt động chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam
- Một trong hai loại chứng từ sau:
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (trường hợp chuyển tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư nhưng không sử dụng hết)
- Thông báo từ chối của cơ quan đăng ký đầu tư (trường hợp chuyển tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư nhưng không được Cơ quan có thẩm quyền chấp nhận đầu tư)

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu khi bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện giao dịch chuyển tiền

- Hợp đồng/Thỏa thuận giữa nhà đầu tư nước ngoài và bên cung cấp Việt Nam về việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài
- Thỏa thuận giữa các bên liên quan về việc hoàn trả số tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư
- Chứng từ chứng minh nhà đầu tư nước ngoài đã chuyển tiền thanh toán cho bên cung cấp Việt Nam theo hợp đồng/thỏa thuận cung cấp hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư
- Chứng từ chứng minh các khoản chi phí thực tế hợp pháp liên quan đến hoạt động chuẩn bị đầu tư tại Việt Nam của nhà đầu tư nước ngoài
- Một trong hai loại chứng từ sau:
    - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài (trường hợp chuyển tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư nhưng không sử dụng hết)
    - Thông báo từ chối của cơ quan đăng ký đầu tư (trường hợp chuyển tiền đã chuyển vào Việt Nam để thực hiện hoạt động chuẩn bị đầu tư nhưng không được Cơ quan có thẩm quyền chấp nhận đầu tư)

2. CHUYỂN LỢI NHUẬN VÀ NGUỒN THU HỢP PHÁP RA NƯỚC NGOÀI

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh (gọi tắt BCC – trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức Hợp đồng BBC)
- Giấy tờ chứng minh nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam – một trong các chứng từ sau:
    - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
    - Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành
    - Thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài
    - Giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại kỳ gần nhất với thời điểm chuyển tiền thể hiện lợi nhuận lũy kế chưa phân phối của doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài dương (sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo qui định)
- Chứng từ chứng minh lợi nhuận và/hoặc thu nhập hợp pháp được phân chia từ hoạt động đầu tư nước ngoài (trừ trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là Công ty TNHH một thành viên) - một trong các chứng từ sau:
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên về việc phân chia lợi nhuận
- Nghị quyết của Ban điều phối dự án về việc phân chia kết quả đầu tư kinh doanh giữa các bên tham gia Hợp đồng BBC
- Thông báo chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài/doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gửi cơ quan thuế ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước khi thực hiện chuyển lợi nhuận ra nước ngoài

---

3. CHUYỂN GIÁ TRỊ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN HOẶC PHẦN VỐN GÓP CHO BÊN CHUYỂN NHƯỢNG Ở NƯỚC NGOÀI

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu khi bên chuyển là Bên nhận chuyển nhượng

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp
- Chứng từ chứng minh bên chuyển nhượng là thành viên/cổ đông trong doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài kèm các văn bản điều chỉnh (nếu có), nêu rõ tỷ lệ vốn góp/cổ phần của bên chuyển nhượng
- Chứng từ chứng minh/Văn bản cam kết thời hạn bổ sung chứng từ chứng minh bên chuyển nhượng đã thực hiện xong việc chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp cho bên nhận chuyển nhượng

- Các chứng từ theo quy định tại điều khoản thanh toán của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu khi bên chuyển nhượng là nhà đầu tư nước ngoài chuyển nguồn thu từ chuyển nhượng cổ phần/phần vốn góp

- Đối với trường hợp chuyển tiền từ tài khoản đầu tư trực tiếp bằng ngoại tệ hoặc VND của nhà đầu tư: Không yêu cầu cung cấp hồ sơ

---

4. CHUYỂN GIẢM VỐN ĐẦU TƯ

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Hợp đồng BCC giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam hoặc giữa các nhà đầu tư nước ngoài (trường hợp đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC)
- Chứng từ chứng minh mức vốn đầu tư ban đầu của dự án đầu tư
- Chứng từ chứng minh mức vốn của dự án đầu tư sau khi được điều chỉnh giảm (ví dụ: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh,…)
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại kỳ gần nhất với thời điểm quyết định giảm vốn điều lệ
- Văn bản xác nhận của Tổ chức tín dụng (nơi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mở tài khoản trước đây) về các giao dịch chuyển giảm vốn đầu tư đã phát sinh trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, đảm bảo số vốn chuyển giảm không vượt mức giảm được phê duyệt (trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi tài khoản đầu tư trực tiếp từ Tổ chức tín dụng khác sang SAIGONBANK)

---

5. CHUYỂN TRẢ VỐN ĐẦU TƯ KHI HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ BỊ CHẤM DỨT HOẶC KẾT THÚC

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Hợp đồng BCC giữa nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư Việt Nam hoặc giữa các nhà đầu tư nước ngoài (trường hợp đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC)
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (cấp cho nhà đầu tư) và/hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (cấp cho doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài) kèm các văn bản điều chỉnh (nếu có), nêu rõ tên dự án đầu tư, số vốn góp của nhà đầu tư

- Quyết định giải thể/chấm dứt hoạt động của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc Quyết định kết thúc/thanh lý/chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm giải thể, chấm dứt hoạt động đầu tư
- Chứng từ chứng minh doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tham gia Hợp đồng BCC hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, hoặc giải thể doanh nghiệp:
    - Thông báo chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, hợp đồng BCC gửi cơ quan đăng ký đầu tư
    - Quyết định của cơ quan đăng ký đầu tư về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
    - Thông báo của cơ quan đăng ký doanh nghiệp về việc giải thể của doanh nghiệp
- Văn bản xác nhận của Tổ chức tín dụng (nơi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mở tài khoản trước đây) về các giao dịch chuyển trả vốn đầu tư đã phát sinh trên tài khoản vốn đầu tư trực tiếp, đảm bảo số tiền chuyển trả không vượt mức được phép chuyển trả (trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi tài khoản đầu tư trực tiếp từ Tổ chức tín dụng khác sang SAIGONBANK)

CHƯƠNG IX: CHUYỂN TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP TỪ NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

CHUYỂN VỐN, LỢI NHUẬN VÀ CÁC NGUỒN THU HỢP PHÁP KHÁC TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP TẠI VIỆT NAM

- Đối với trường hợp chuyển tiền từ tài khoản đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư: Không yêu cầu hồ sơ giao dịch

CHƯƠNG X: CHUYỂN TIỀN LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP RA NƯỚC NGOÀI

**Lưu ý các loại tài khoản được sử dụng để thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam tại SAIGONBANK trong từng mục đích*

1. CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI TRƯỚC KHI CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Hạn mức chuyển

- Không quá 5% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài và không vượt quá USD300.000 USD, được tính vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài

Đối tượng chuyển

- Nhà đầu tư thực hiện đầu tư ra nước ngoài, bao gồm:
    - Tổ chức kinh tế thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hộ kinh doanh và các tổ chức khác thực hiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam
    - Tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng
    - Cá nhân mang quốc tịch Việt Nam (trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp)

Danh mục hồ sơ mà khách hàng cần cung cấp

- Hợp đồng/Văn bản có giá trị pháp lý tương đương giữa nhà đầu tư với bên nước ngoài cung cấp hàng hóa/dịch vụ liên quan đến hoạt động hình thành dự án đầu tư ở nước ngoài
- Hóa đơn do bên nước ngoài phát hành đòi tiền nhà đầu tư
- Quyết định đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư hoặc của Cơ quan đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp (nếu nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước)
- Các cam kết của nhà đầu tư, bao gồm các nội dung:
    - Không chuyển vượt quá 5% tổng vốn đầu tư ra nước ngoài
    - Bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
    - Bổ sung Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối của Ngân hàng nhà nước Việt Nam nêu rõ số ngoại tệ đã chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp (một trong các loại giấy tờ sau):
        - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, hoặc
        - Văn bản xác nhận về việc không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư, hoặc
        - Thông báo của Cơ quan có thẩm quyền về việc không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư

2. CHUYỂN NGOẠI TỆ RA NƯỚC NGOÀI SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Trường hợp 1: các chứng từ yêu cầu khi chuyển vốn vào tài khoản ở nước ngoài của Tổ chức kinh tế do nhà đầu tư thành lập hoặc tham gia đầu tư

- Hợp đồng liên doanh/Hợp đồng hợp tác kinh doanh/Văn bản thành lập chi nhánh/Văn bản quy định vốn điều lệ của công ty ở nước ngoài là 100% vốn của doanh nghiệp Việt Nam (nếu có)
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
- Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng nhà nước Việt Nam
- Văn bản của nhà đầu tư xác nhận các giao dịch liên quan đến việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết chuyển không vượt mức vốn đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp có thay đổi tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài từ Tổ chức tín dụng khác sang SAIGONBANK)
- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài có tên doanh nghiệp vốn đầu tư từ Việt Nam

Trường hợp 2: các chứng từ yêu cầu khi chuyển vốn dưới hình thức cho vay trung, dài hạn vào tài khoản ở nước ngoài của Tổ chức kinh tế nước ngoài do nhà đầu tư thành lập hoặc tham gia đầu tư

- Hợp đồng liên doanh/Hợp đồng hợp tác kinh doanh/Văn bản thành lập chi nhánh/Văn bản quy định vốn điều lệ của công ty ở nước ngoài là 100% vốn của doanh nghiệp Việt Nam (nếu có)
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
- Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng nhà nước Việt Nam
- Văn bản của nhà đầu tư xác nhận các giao dịch liên quan đến việc chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết chuyển không vượt mức vốn đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (trường hợp có thay đổi tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài từ Tổ chức tín dụng khác sang SAIGONBANK)
- Văn bản xác nhận đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài của Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Trường hợp 3: các chứng từ yêu cầu khi chuyển vốn vào tài khoản của Bên chuyển nhượng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của Tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý Tổ chức kinh tế đó

- Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài
- Văn bản xác nhận đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến đầu tư ra nước ngoài của Ngân hàng nhà nước Việt Nam
- Chứng từ chứng minh bên chuyển nhượng là thành viên/cổ đông của Tổ chức kinh tế ở nước ngoài nêu rõ tỷ lệ vốn góp/cổ phần của bên chuyển nhượng

- Chứng từ chứng minh bên chuyển nhượng đã hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp cho nhà đầu tư
- Các chứng từ theo quy định tại điều khoản thanh toán của Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp (nếu có)
- Văn bản của nhà đầu tư xác nhận các giao dịch phát sinh liên quan đến chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài và cam kết không chuyển vượt mức vốn đầu tư đã đăng ký (trường hợp có thay đổi tài khoản vốn đầu tư ra nước ngoài từ Tổ chức tín dụng khác sang SAIGONBANK)